

Bản án số: 1141/2023/DS-PT

Ngày: 06/12/2023

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Trương Việt Hồng

Bà Phạm Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyện - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 402/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5093/2023/QĐPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15525/2023/QĐPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1991,

Địa chỉ: Số D N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1979,

Địa chỉ: Số D N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc T1, sinh năm 1986 hoặc bà Nguyễn Như N, sinh năm 1999 (giấy ủy quyền ngày 17/11/2023) (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Thanh P, sinh năm 1969,

Địa chỉ: Số D N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Võ Minh T2, sinh năm 1989,

Địa chỉ: Số D N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Lý Thị L, sinh năm 1950,

Địa chỉ: Số D N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên Tòa ngày hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H1 trình bày như sau:

Bà là người có quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 211,6m² tại số D N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa số 686, tờ bản đồ số 11, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY154002, số vào sổ cấp GCN CH04736, do UBND quận B cấp ngày 05/01/2015 đã cập nhật biến động ngày 11/5/2020, (gọi tắt là phần đất có diện tích 211,6m² tại số D N). Nguồn gốc là của cha mẹ bà là ông Huỳnh Văn L1 và bà Lý Thị L tặng cho và đã được cơ quan có thẩm quyền cập nhật biến động như nêu trên. Sau khi nhận tặng cho từ cha mẹ, bà có cho chị ruột là bà Huỳnh Thị Ngọc T ở nhờ trên phần đất này và có thỏa thuận khi nào bà cần sử dụng vào mục đích gì thì bà T sẽ trả lại hoàn toàn hiện trạng ban đầu. Đầu tháng 5/2021, do có nhu cầu sử dụng đất với thửa đất trên nên bà có yêu cầu trả lại đất nhưng bà T không đồng ý, không thực hiện và cố tình gây nhiều khó khăn cho bà. Vì vậy, Bà yêu cầu buộc bà T và những người đang ở trên đất phải trả lại cho bà phần đất có diện tích 211,6m² tại số D N, phường T, quận B nói trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đo vẽ, xác định phần đất của bà do bà T đang ở có diện tích là 51,2m², do đó bà xác định lại yêu cầu khởi kiện, buộc bà T và những người đang ở trên đất trả lại cho bà phần diện tích đất 51,2m² tại số D N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa số 686, tờ bản đồ số 11, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY154002, số vào sổ cấp GCN CH04736, do UBND quận B cấp ngày 05/01/2015 và cập nhật biến động ngày 11/5/2020, sang tên cho bà.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T tại các bản tự khai, hòa giải trình bày:

Vào ngày 03/3/2007, Bà đã ở trên phần nhà và đất tại số D N, phường T, quận B đến khi kết hôn vào năm 2009. Đến ngày 27/4/2009, mẹ bà đã cho sửa chữa phần nhà, đất ngang 4m, dài 9m, tổng diện tích là 36m², nâng nền, nâng nóc, chống dột. Đến ngày 26/7/2013, cha mẹ bà đã thuê công ty đo đạc thực hiện việc đo đạc và tách thửa cho bà với diện tích 56,1m², tuy nhiên khi tách thửa thì không thực hiện được vì chiều ngang chỉ có 6,2m nên cha bà đã làm giấy tay cho bà phần đất có diện tích là 56,1m² tại số D N, phường T, quận B, thuộc thửa 245, tờ bản đồ số 6, để bà toàn quyền sử dụng. Ngày 28/4/2020, B đã làm đơn xin giải quyết việc phân chia tài sản trong gia đình, có mời khu phố D, phường T hòa giải nhưng không thành nên nhờ khu phố chuyển đơn lên Tòa án để giải quyết tiếp. Trong khi chờ đợi giải quyết của Tòa án thì bà H1 đã dụ dỗ cha mẹ bà sang tên quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 211,6m², trong đó có phần diện tích đất 56,1m² mà cha bà đã cho bà đang sử dụng. Theo đơn bổ sung ngày

14/6/2023, bà T, trình bày: Khoảng năm 2007, bà có chồng và sống chung với cha mẹ, đến lúc bà bị anh trai chém bị thương nặng thì cha mẹ bà đã cho phần diện tích đất và nhà tại số D N, phường T, quận B. Bà đã cùng chồng và các con sinh sống từ đó cho đến nay. Năm 2013, Cha bà viết giấy tay cho bà phần diện tích đất 56,1m², tuy nhiên không tách thửa được vì không đủ diện tích. Ngoài phần nhà và đất nói trên thì cha mẹ bà là ông Huỳnh Văn L1 (chết năm 2021) và bà Lý Thị L có tạo khối tài sản gồm: Tiền bán đất ở đường L được hơn chín tỷ đồng hiện do mẹ bà đang quản lý và phần diện tích đất 1.008m² do cha bà đứng tên nhưng chưa chia thừa kế. Nên bà có ý kiến là yêu cầu được chia thừa kế các tài sản gồm số tiền hơn chín tỷ đồng cùng phần diện tích đất 1.008m² nói trên. Tại Biên bản hòa giải ngày 02/8/2023, bà T trình bày: Qua yêu cầu của bà H1, bà có ý kiến: Nếu bà H1 trả cho bà số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) thì bà đồng ý trả cho bà H1 phần đất có diện tích 51,2m² và phần nhà ở với diện tích 51,2m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số BY154002, sổ vào sổ cấp GCN: CH04736 do UBND quận B cấp ngày 05/01/2015 cho ông L1, bà L và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận B cập nhật biến động sang tên cho bà H1 ngày 11/5/2020, hiện trạng, vị trí cụ thể của thửa đất và nhà ở được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí của Trung tâm Kiểm định Bản đồ và T4-Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 08/7/2022. Bà đồng ý trả nhà và đất nói trên trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được tiền từ bà H1. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác. Bà xác định, phần nhà được xây dựng trên đất là do mẹ bà là bà L xây dựng và sửa chữa năm 2009, từ đó cho đến nay, bà không xây dựng gì thêm, chỉ chống dột để đảm bảo cho việc sinh sống trong căn nhà trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh P trình bày:

Phần tài sản bà T đang tranh chấp là của riêng bà T nên ông không có ý kiến tranh chấp hay yêu cầu gì. Ngoài ra, ông có ý kiến là các con của ông gồm Lê Hoàng P1, sinh năm 2009 và Lê Thủy T3, sinh năm 2011 còn nhỏ nên đề nghị Tòa án không triệu tập các con và ông thống nhất để bà T sẽ là người đại diện cho các con và quyết định các vấn đề tại Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh T2 trình bày:

Tài sản đang tranh chấp là của riêng của bà H1, ông không có tranh chấp gì. Ông thống nhất và đồng ý với tất cả yêu cầu của bà H1. Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị L trình bày:

Phần nhà xây dựng trên đất mà Tòa tiến hành đo vẽ và có bản vẽ hiện trạng, vị trí cụ thể được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí của Trung tâm Kiểm định Bản đồ và T4-Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 08/7/2022 là do bà xây dựng và sửa chữa vào năm 2009 và bà không có tranh chấp gì. Bà đồng ý giao toàn bộ phần nhà nói trên cho bà H1, bà cam kết không tranh chấp gì. Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà Huỳnh Thị Ngọc H yêu cầu bà T, ông P cùng 02 con là Lê Hoàng P1, sinh năm 2009 và Lê Thủy T3, sinh năm 2011 (do

bà T đại diện) trả lại phần đất có diện tích 51,2m² tại số D N, phường T, quận B, thuộc thửa số 686, tờ bản đồ số 11 theo Bản đồ hiện trạng vị trí của Trung tâm Kiểm định Bản đồ và T4-Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 08/7/2022, trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày 18/8/2023. Bà tự nguyện hỗ trợ chi phí dọn nhà, tìm nơi ở mới là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Bà tự nguyện chịu chi phí đo vẽ và định giá tài sản tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 402/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc H.

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Lê Thanh P cùng 02 con là Lê Hoàng P1, sinh năm 2009 và Lê Thủy T3, sinh năm 2011 (do bà T đại diện) cùng những người ở trên đất tại thời điểm thi hành án (nếu có), trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày 18/8/2023, phải trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc H phần đất có diện tích 51,2m² tại số D N, phường T, quận B, thuộc thửa số 686, tờ bản đồ số 11, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY154002, số vào sổ cấp GCN CH04736, do UBND quận B cấp ngày 05/01/2015 cho ông L1, bà L và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận B cập nhật biến động sang tên cho bà H ngày 11 tháng 5 năm 2020, được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí của Trung tâm Kiểm định Bản đồ và T4 - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 08/7/2022.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Ngọc H hỗ trợ chi phí dọn nhà, tìm nơi ở mới cho bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Lê Thanh P cùng 02 con là Lê Hoàng P1, sinh năm 2009 và Lê Thủy T3, sinh năm 2011 (do bà T đại diện) với số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), ngay sau khi trả lại đất cho bà.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Lý Thị L về việc giao cho bà Huỳnh Thị Ngọc H được quản lý, sử dụng phần nhà ở có diện tích 51,2m² được xây dựng trên đất tại số D N, phường T, quận B thuộc thửa số 686, tờ bản đồ số 11, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY154002, số vào sổ cấp GCN CH04736, do UBND quận B cấp ngày 05/01/2015 cho ông L1, bà L và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận B cập nhật biến động sang tên cho bà H ngày 11 tháng 5 năm 2020, được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí của Trung tâm Kiểm định Bản đồ và T4 - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 08/7/2022. Nếu sau này, các đương sự có yêu cầu đối với phần nhà nói trên, sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 31/8/2023, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 402/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H và bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T có người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Bùi Ngọc T1 cùng thống nhất và thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ kiện như sau:

- Nguyên đơn đồng ý giao số tiền là 1,2 tỷ đồng cho bị đơn, bị đơn đồng ý nhận 1,2 tỷ đồng và giao lại nhà cho nguyên đơn, để hai bên chấm dứt toàn bộ vụ kiện, thời gian giao nhận tiền và nhà được thực hiện kể từ ngày 06/12/2023 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Điều 298, Điều 303, Điều 305 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 tại phiên tòa phúc thẩm về phần thủ tục, phần hỏi, phần tranh luận.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Nguyên đơn đồng ý giao 1,2 tỷ đồng cho bị đơn, bị đơn đồng ý nhận 1,2 tỷ đồng và giao nhà cho nguyên đơn. Nhận thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Bởi các lẽ trên, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử: Căn cứ điều 300 và khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 402/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T có người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Ngọc T1 cùng thống nhất và thoả thuận như sau:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H đồng ý giao số tiền là 1,2 tỷ đồng cho bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T và bị đơn đồng ý nhận số tiền là 1,2 tỷ đồng và giao căn nhà cho nguyên đơn để các bên chấm dứt tranh chấp chấm dứt toàn bộ vụ kiện này, các bên thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, các đương sự đã đưa ra được sự thoả thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án, sự thoả thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự về việc thoả thuận như trên. Do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên Tòa về việc sửa bản án dân sự sơ thẩm số 402/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thoả thuận các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Ngọc H về việc tự chịu chi phí cho việc đo vẽ và định giá tài sản tranh chấp tại số D N, phường T, quận B.

[4] Về án phí dân sự: Do sửa bản án người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 402/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H đồng ý giao số tiền là 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu đồng) cho bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T và bị đơn đồng ý nhận số tiền là 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu đồng) để bàn giao căn nhà có diện tích 51,2m² tại số D N, phường T, quận B, thuộc thửa số 686, tờ bản đồ số 11, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY154002, số vào sổ cấp GCN CH04736, do UBND quận B cấp ngày 05/01/2015 cho ông L1, bà L và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai

quận B, TP . cập nhật biến động sang tên cho bà H vào ngày 11 tháng 5 năm 2020, được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí của Trung tâm Kiểm định Bản đồ và T4 - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 08/7/2022 cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H, để các bên chấm dứt tranh chấp chấm dứt toàn bộ vụ kiện.

Thi hành sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà Huỳnh Thị Ngọc H không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0032959 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại số tiền 300.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0026309 ngày 31/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Tân, TPHCM;
- VKSND quận Bình Tân, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Hương

